

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2022/DS-PT
Ngày 30-03- 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị H Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1982

Người đại diện theo ủy quyền của ông Pháp: Ông Trần Văn G, sinh năm 1967 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Khánh H, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Việt B, sinh năm 1985 (Có mặt).

Bà Ngô Thị L, sinh năm 1958 (Có mặt).

Ông Trần Văn H, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Khánh H, huyện U , tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Trần Việt B, bà Ngô Thị L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn G đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày: Ngày 18/8/2019 ông Trần Văn P có cho ông Trần Văn H, bà Ngô Thị L và ông Trần Việt B vay số tiền 194.690.000 đồng, có viết biên nhận nợ ngày 18/8/2019

âm lịch, do bà L và ông B là con bà L ký tên, thỏa thuận mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nếu không thực hiện đúng theo như thỏa thuận thì sẽ tính lãi 20%/năm trên số tiền vay. Sau khi vay, bà L, ông H và ông B có trả cho ông P nhiều lần được số tiền 37.300.000 đồng, còn nợ lại số tiền 157.390.000 đồng thì không trả cho ông Pháp. Do đó, ông P yêu cầu ông H, bà L và ông B trả cho ông P số tiền 157.390.000 đồng và tiền lãi 20%/năm trong thời gian từ ngày 18/8/2019 đến ngày xét xử là 19/10/2021 với số tiền là 68.201.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 225.591.000 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị L trình bày: Trước đây ông P có tham gia chơi hụi do bà làm chủ. Sau đó, hai bên thống nhất tính toán số tiền nợ hụi thì bà còn nợ ông P số tiền hụi là 194.690.000 đồng nên bà và con bà là Trần Việt B có ký tên vào biên nhận ngày 18/8/2019 cho ông P và bà cũng đã có hứa trả nợ hàng tháng cho ông P là 10.000.000 đồng/tháng. Biên nhận nợ không ghi là nợ tiền hụi nhưng bà có đồng ý trả lãi cho ông P nếu bà không trả nợ hàng tháng theo cam kết. Đã qua, bà đã trả cho ông P nhiều lần mà không nhớ số tiền cụ thể là bao nhiêu. Việc ký biên nhận nợ trên không có mặt ông H. Nay ông P yêu cầu bà trả số tiền 157.390.000 đồng là tiền vay và tính lãi với tổng số tiền vốn và lãi là 225.591.000 đồng thì bà không đồng ý vì tiền nợ hụi nên khi nào tay em trả tiền hụi cho bà thì bà sẽ thanh toán lại cho ông P.

Bị đơn ông Trần Việt B trình bày: Ông thừa nhận trước đây mẹ ông có nợ ông P số tiền hụi 194.690.000 đồng và ông có ký tên vào biên nhận ngày 18/8/2019 âm lịch. Ông ký vào biên nhận với tư cách là con ở chung với gia đình chứ ông không có nợ tiền của ông P. Nay ông P yêu cầu gia đình ông trả cho ông P số tiền 225.591.000 đồng thì ông không đồng ý, do nợ tiền hụi nhưng ông P kiện tiền vay là không đúng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P đối với ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L về việc trả tiền vay và tiền lãi.

Buộc ông ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn P tổng số tiền 225.591.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn P đối với ông Trần Văn H về việc yêu cầu ông Trần Văn H cùng ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L trả tiền vay và tiền lãi.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/12/2021 ông Trần Việt B, bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận số tiền nợ là tiền hụi và không chấp nhận trả lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông B, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Việt B, bà Ngô Thị L, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh về việc điều chỉnh lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Việt B, bà Ngô Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông B và bà L thừa nhận đã ký tên vào biên nhận ngày 18/8/2019 (âm lịch) thừa nhận còn nợ của ông P số tiền là 194.690.000 đồng và cam kết trả mỗi tháng 10.000.000 đồng. Xét thấy, biên nhận không ghi tiền nợ là tiền vay hay tiền hội, nhưng bà L và ông B cho rằng nợ tiền hội, ông P cũng thừa nhận là số tiền 194.690.000 đồng do bà L và ông B ký nhận nợ với ông P là nợ tiền hội, sau khi hai bên đã tính toán các khoản nợ tiền hội do bà L và ông B nợ ông P. Tại biên nhận nợ, ông B và bà L cam kết trả nợ mỗi tháng là 10.000.000 đồng, nếu không trả thì chịu lãi suất 20%/năm. Bà L và ông B cũng thừa nhận đã qua, chỉ trả nợ cho ông P được một phần tiền nhưng không nhớ bao nhiêu và thừa nhận không thực hiện việc trả nợ cho ông P như cam kết. Ông P thừa nhận bà L và ông B đã trả cho ông P được số tiền 37.300.000 đồng nên ông P yêu cầu bà L và ông B phải tiếp tục trả số tiền còn nợ lại là 157.390.000 đồng.

Do bà L và ông B không thực hiện việc trả tiền như cam kết tại biên nhận nợ do bà L và ông B ký tên, nên ông P yêu cầu bà L và ông B phải trả tiền là phù hợp. Theo quy định tại Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự thì đây là quan hệ pháp luật về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhưng bản án sơ thẩm xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng, nhưng ông B và bà L kháng cáo yêu cầu xác định số tiền nợ theo biên nhận nợ là tiền hội và yêu cầu cấp phúc thẩm mời các thành viên chơi hội còn nợ tiền hội của bà L để buộc trả nợ và đối trừ với số tiền bà L nợ ông P là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của ông B và bà L không đồng ý trả tiền lãi. Xét thấy, tại biên nhận nợ ông B và bà L cũng thừa nhận nếu không thực hiện việc trả nợ theo cam kết thì chịu lãi 20%/năm. Việc thỏa thuận này của ông B và bà L là tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông B và bà L trả tiền lãi cho ông P theo mức lãi suất 20%/năm là phù hợp.

[3] Số tiền ông B và bà L đã trả cho ông P là 37.300.000 đồng, được xác định theo thỏa thuận thì ông B và bà L đã thực hiện việc trả nợ như cam kết trong 3 tháng. Do đó số tiền bà L và ông B còn nợ ông P là 157.390.000 đồng khi tính lãi được trừ 3 tháng nên thời gian tính lãi được tính từ ngày 18/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 13/12/2019 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 01/12/2021 là 23

tháng 17 ngày. Cụ thể số tiền 157.390.000 đồng x 20%/năm x 23 tháng 17 ngày bằng 61.644.000 đồng.

Bản án sơ thẩm buộc ông B và bà L phải trả số tiền lãi được tính từ ngày 18/8/2019 âm lịch đến ngày 19/10/2021 với số tiền lãi là 68.201.000 đồng là không đúng nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông B và bà L, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông B và bà L về việc điều chỉnh tiền lãi suất là phù hợp nhưng đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông B và bà L trả số tiền lãi cho ông Pháp 44.500.000 đồng là không phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L là người cao tuổi, tại cấp sơ thẩm bà L không có đơn xin miễn án phí, tại phiên tòa phúc thẩm bà L có đơn và xin được miễn án phí nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm miễn án phí cho bà L đối với khoản tiền án phí bà L phải nộp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo của ông B và bà L nên ông B và bà L không phải chịu án phí.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Việt B, bà Ngô Thị L.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P về việc buộc ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L trả nợ.

Buộc ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn P tổng số tiền 219.034.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn P về việc buộc ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới cùng ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị L được miễn án phí. Buộc ông Trần Việt B phải chịu số tiền 5.475.000 đồng. Ông Trần Văn P không phải chịu án phí. Đã qua, ông Trần Văn P có dự nộp số tiền 5.115.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010039 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Việt B và bà Ngô Thị L không phải nộp. Đã qua ông Trần Việt B có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0010182 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi Cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Phương Loan